

我叫...



Wǒ jiào.. (I am called...)

我...岁



wǒsuì 。 (I am ... years old)

我爱...



wǒ ài (+ v. n.) (I love)

我喜欢...



wǒ xǐ huān (+ v. / n.) (I like...)

不



bù (add right after the subject)

也



yě (add right after the subject)

我是...

I AM

wǒ shì ... (+ n.) (I am ...)

我来自...



wǒ lái zì... (I come from...)

这是...



this
zhè shì... (this is)

那是...



■
that

nà shì... (that is)

它是...



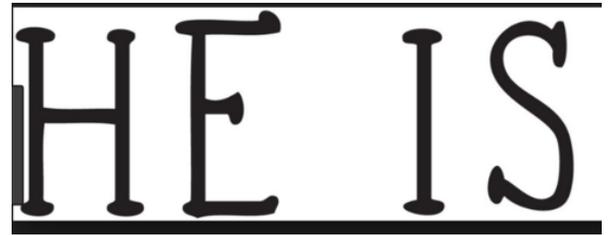
tā shì... (it is)

她是...



tā shì... (she is)

他是...



tā shì... (he is)

我很...



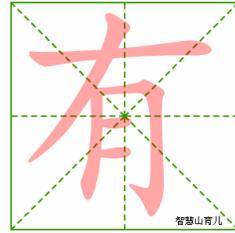
wǒ hěn (+ adj.) (I am very...)

我很喜欢



wǒ hěn xǐ huān... (I like... very much)

我有...



Wǒ yǒu... (+n.)(I have...)

我没有...



Wǒ méi yǒu... (+n.)(I do not have...)

我家有...



wǒ jiā yǒu(+n.) ...(My family has...)

我家有五口
人。



wǒ jiā yǒu wǔ kǒu rén. (There are five people
in my family)

我家没有...



Wǒ jiā méi yǒu... (+n.)(My family does not
have...)

我的生日是...



wǒ de shēng rì shì(My birthday is)

我的



wǒ de (my)